TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 735/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 44/2 đường X, khu phố 4, phường H (Phường M, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 44/2 đường X, khu phố 4, phường H (Phường M, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Văn B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 03/2016 ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh N.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 7 năm 2025, bà X và ông B thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016 do Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh N cấp ngày 18/01/2016 hết hiệu lực.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Bà X và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong việc dân sự này.

2. Về lệ phí: Bà X và ông B phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25P, số 0000190 ngày 12/6/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7) Thành phố Hồ Chí Minh, bà X và ông B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu B pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị Hồng Đào